

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 143/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng PH

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí

Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Tiến P, sinh năm 1990

Địa chỉ: 250/6, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(*Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông P tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2017, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó

thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P không quan tâm chăm lo cho vợ con, thường hay bất đồng quan điểm và cãi nhau. Bà H nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Tiến P.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Huỳnh Tiến T, sinh ngày 13/7/2017. Ly hôn, bà H xin được nuôi cháu T, tạm thời không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Huỳnh Tiến P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Huỳnh Tiến P.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông P có 01 con chung là cháu Huỳnh Tiến T, sinh ngày 13/7/2017. Ly hôn, giao cho bà H được nuôi cháu T, tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà H khai, bà và ông P không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông P về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Huỳnh Tiến P; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà H là nguyên đơn còn ông P là bị đơn trong vụ án.

- Theo Biên bản xác minh ngày 08/5/2020 tại Công an phường T thì hiện nay ông Huỳnh Tiến P có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ số 250/6, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 17/6/2020, bà Nguyễn Thị Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân thành phố B tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Huỳnh Tiến P để tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H và ông P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông P tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2017, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P không quan tâm chăm lo cho vợ con, thường hay bất đồng quan điểm và cãi nhau. Bà H nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Tiến P. Xét yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng theo biên bản xác minh ngày 08/5/2020 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, thì ông P ham chơi bời, không chăm lo làm ăn, không quan tâm vợ con nên bà H và ông P đã ly thân hơn 01 năm nay. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông P là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông P.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông P có 01 con chung là cháu Huỳnh Tiến T, sinh ngày 13/7/2017. Ly hôn, bà H xin được nuôi cháu T, tạm thời không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu T do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng, tuổi cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc, dạy bảo của người mẹ. Vì vậy, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T của bà H là có căn cứ chấp nhận. Tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu. Ông P được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà H khai, bà và ông P không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông P về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, 9, 19, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H, bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Huỳnh Tiến P.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông P có 01 con chung là cháu Huỳnh Tiến T, sinh ngày 13/7/2017. Ly hôn, giao cho bà H được nuôi cháu T, tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu. Ông P được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà H khai, bà và ông P không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông P về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007609 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Huỳnh Tiến P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Dương sự;
- UBND phường T;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hoàng PH